

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH                      Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 818/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tô Trần Ái Vy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Ông Nguyễn Thành Lâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa:** Bà Võ Ngọc Liên Hương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/ TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 12 đường 9, khu phố 4, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vǎng mặt)

- *Bị đơn*: Ông H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 16/2A đường M, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vǎng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L trình bày:

Bà và ông H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyển số 01/2008 ngày 26/5/2008. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể chia sẻ cùng nhau các vấn đề trong cuộc sống nên giữa hai bên thường xảy ra tranh cãi. Hiện đã ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Đặng Linh N, sinh ngày 10/11/2008. Ly hôn, L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: L khai không có.

Về nợ chung: L khai không có.

Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: L được quyền ly hôn với ông H; L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Đặng Linh Nhi, sinh ngày 10/11/2008, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con cho ông H do L không có yêu cầu; tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:**

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 113, quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 26/5/2008 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Phường 10, quận Tân Bình nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

#### **[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:**

- Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà L cương quyết xin ly hôn với ông H do bất đồng ý kiến về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không thể chia sẻ cùng nhau các vấn đề trong cuộc sống nên giữa hai bên thường xảy ra tranh cãi. Hiện đã ly thân từ năm 2015 đến nay, trong thời gian đó mạnh ai nấy sống không ai quan tâm đến ai, bà nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống.

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, ông H không đến Tòa để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải; xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc L xin ly hôn. L trình bày hai bên đã ly thân từ năm 2015, trong thời gian đó mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Như vậy chứng tỏ ông H không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của L xin ly hôn với ông H.

- Về con chung: L khai có 1 con chung là Nguyễn Đặng Linh N, sinh ngày 10/11/2008. Ly hôn, L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay trẻ Nguyễn Đặng Linh N do L trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, trẻ Linh có lời khai tại Tòa án có nguyện vọng ở với L. Để ổn định cuộc sống và tinh thần cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ không bị xáo

trộn trong việc học hành và ổn định về mặt tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho L tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do L không có yêu cầu.

Về tài sản chung: L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Theo Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L.

- Về hôn nhân: Bà L được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đặng Linh N, sinh ngày 10/11/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông H do L không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do L đã nộp theo biên lai thu số 0039872 ngày 10/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. L đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Bà L và ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 10, quận Tân Bình;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tô Trần Ái Vy**